TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2026/QĐST-DS	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26/12/2025 của các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2012/TLST-DS ngày 05/03/2012 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1951; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2 Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Huyền L**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: B ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1 Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1941; C18/8 ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.2 Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: E T, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.3 Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.4 Bà **Nguyễn Thị Diễm T1**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.5 Bà **Nguyễn Thị Diễm P**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.6 Bà **Nguyễn Thị Diễm T2**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.7 Bà **Nguyễn Thị Diễm N**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.8 Bà **Nguyễn Thị Diễm H1**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.3.9 Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: C ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Các đương sự cùng thống nhất xác định ranh giới các thửa đất của bà Nguyễn Thị Huyền L (có vị trí liền kề với các phần đất mà gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 517377 (có số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1719 QSDĐ/ĐP) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 07/8/1998.

2.2 Bà Nguyễn Thị Huyền L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cắm ranh giới phần đất còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 517377 (có số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1719 QSDĐ/ĐP) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 07/8/1998 và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình cắm ranh giới đất.

2.3 Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

2.3.1 Đối với số tiền bồi thường 148.260.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi đồng) đối với phần đất có diện tích 741,3m^2 thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 61 (theo tài liệu đo mới năm 2006) tương ứng với một phần thửa 206, tờ bản đồ số 17 (theo Tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã Đ (nay là xã H) theo Quyết định số 7372/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B cũng như tiền lãi phát sinh theo quyết định này thì thuộc về bà Nguyễn Thị Huyền L;

Trường hợp số tiền bồi thường theo quyết định trên có tăng thêm thì bà Nguyễn Thị Huyền L được toàn quyền hưởng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3.2 Đối với số tiền bổ sung hỗ trợ thiệt hại với số tiền 170.380.392 đồng (Một trăm bảy mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) theo Quyết định số 7604/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B và số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung với số tiền 196.515.665 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) theo Quyết định số 8677/QĐ-

UBND ngày 14/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B cũng như tiền lãi phát sinh theo các quyết định này thì thuộc về hộ ông Nguyễn Văn T.

Trường hợp số tiền hỗ trợ thiệt hại theo các quyết định trên có tăng thêm thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn T được toàn quyền hưởng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3.3 Việc giao nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại: hộ ông Nguyễn Văn T sẽ liên hệ với Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để bổ sung các hồ sơ pháp lý liên quan và lập thủ tục nhận tiền… Đối với ngày nhận tiền, đề nghị Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B hoặc cơ quan có thẩm quyền thông báo đến hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Huyền L biết, để các bên cùng đến nhận phần tiền bồi thường, hỗ trợ và tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận này hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp hộ ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các thủ tục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để bà Nguyễn Thị Huyền L được nhận tiền thì bà Nguyễn Thị Huyền L được quyền thực hiện riêng lẻ tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận phần tiền bồi thường của mình theo thỏa thuận này mà không phụ thuộc vào sự có mặt hay đồng ý của những người còn lại.

Trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cần có sự hỗ trợ cung cấp hồ sơ, ký các thủ tục của bà Nguyễn Thị Huyền L để hộ ông Nguyễn Văn T được nhận tiền, mà bà Nguyễn Thị Huyền L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì hộ ông Nguyễn Văn T được quyền thực hiện riêng lẻ tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận phần tiền bồi thường, hỗ trợ của mình theo thỏa thuận này mà không phụ thuộc vào sự có mặt hay đồng ý của những người còn lại.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ:

2.4.1 Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ mà nguyên đơn đã tạm ứng. Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn T đã thực hiện đầy đủ chi phí này.

2.4.2 Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền L tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ mà bị đơn đã tạm ứng. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Huyền L đã thực hiện đầy đủ các chi phí này.

2.5 Về án phí:

2.5.1 Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T do là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.201.500 đồng (Bốn triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số AC/2011/00009 ngày 05/03/2012 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5.2 Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền L do là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV10-TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Cẩm

